

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HN-ST
Ngày: 03 - 02 - 2021
V/v tranh chấp “*Xin ly hôn,
Nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Bi
2. Ông Nguyễn Văn Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông không tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Hồ Thị T** - Sinh năm: 1974 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

2. Bị đơn: **Phạm Văn L** - Sinh năm: 1970 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hồ Thị T trình bày:*

Chị và anh L tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn ngày 27/04/2005 tại UBND xã T. Sau khi cưới vợ chồng sống không hạnh phúc đến giữa năm 2015 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh L thường xuyên nhậu nhẹt về nhà kiếm chuyện đánh chị và con. Mâu thuẫn kéo dài đến tháng 5 năm 2020 thì trầm trọng do anh L nhậu say về nhà đập phá đồ đạc, cãi nhau với chị nên

chị và anh L sống ly thân đến nay. Nay tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Hồ Tường V, sinh ngày 18/8/2001; Phạm Hồ Thúy A, sinh ngày 16/03/2005. Hiện cháu V đã trưởng thành, cháu A đang sống với chị, chị yêu cầu nuôi cháu A, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị xác định chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị xác định không có.

** Quá trình tố tụng bị đơn anh Phạm Văn L vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên anh có trình bày tại bản tự khai ngày 01 tháng 02 năm 2021:*

Anh và chị T tự quen nhau, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 anh nghe xã hội nói việc chị T có người đàn ông khác nên chị T xin ly hôn. Nay tình cảm không còn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Hồ Tường V, sinh ngày 18/8/2001; Phạm Hồ Thúy A, sinh ngày 16/03/2005. Ly hôn, anh giao cháu A cho chị T nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: có 01 ngôi nhà và 01 mảnh đất nhưng để vợ chồng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, chị T và anh L có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: đây là vụ án tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị T về việc xin ly hôn, nuôi con chung; Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Về quan hệ hôn nhân:* chị T và anh L có quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/04/2005 nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh L là hợp pháp kể từ ngày đăng ký kết hôn.

Chị T trình bày cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến giữa năm 2015 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh L thường xuyên nhậu nhẹt về nhà kiếm chuyện đánh chị và con. Mâu thuẫn kéo dài đến tháng 5 năm 2020 thì trầm trọng do anh L

nhậu say về nhà đập phá đồ đạc, cãi nhau với chị nên chị và anh L sống ly thân đến nay. Anh L trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 anh nghe xã hội nói việc chị T có người đàn ông khác nên chị T xin ly hôn với anh, nay tình cảm không còn, anh đồng ý ly hôn.

Qua xem xét nguyên nhân mâu thuẫn theo lời trình bày của anh chị, Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng anh chị có mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Thời gian ly thân đến nay đã lâu nhưng anh chị không hàn gắn được tình cảm với nhau. Anh L không tham dự phiên hòa giải. Tuy nhiên tại bản tự khai, anh L trình bày tình cảm không còn nên đồng ý ly hôn. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện, phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[4] Về con chung: chị T trình bày anh chị có 02 con chung tên Phạm Hồ Tường V, sinh ngày 18/8/2001; Phạm Hồ Thúy A, sinh ngày 16/03/2005. Hiện cháu V đã trưởng thành, cháu A đang do chị T trực tiếp nuôi. Chị T và anh L thống nhất giao cháu A cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi. Xét thấy sự thỏa thuận của anh chị về việc nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật; phù hợp với nguyện vọng của cháu A là muốn sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận của chị T và anh L, giao cháu A cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T chưa yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị T và anh L trình bày anh chị chưa yêu cầu giải quyết tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hồ Thị T và anh Phạm Văn L.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung Phạm Hồ Thúy A, sinh ngày 16/03/2005 cho chị Hồ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị T chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị T và các thành viên trong gia đình chị T không được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị T phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 49564 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị T, anh L có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TPĐ;
- Chi cục THADS huyện TPĐ;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện T;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm

